

Số: 01/2021/QĐPT-DS

Ngày: 21-12-2021

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Hải Bằng.
- *Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh và bà Đoàn Thị Hương Nhu.
- *Thư ký phiên họp:* Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự phúc thẩm thụ lý số 47/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án*”.

Do quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-DS ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn bị kháng cáo,

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Lương Quân - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Văn T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu dân cư D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Cụ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1935; Vắng mặt.

4. Ông Mạc Văn S1, sinh năm 1966; Vắng mặt.

5. Anh Mạc Ánh S2, sinh năm 1986; Vắng mặt.

6. Anh Mạc Văn S3, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

7. Ông Đào Văn T3, sinh năm 1965; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường S, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

8. Ông Đào Xuân T4, sinh năm 1958; Vắng mặt.

9. Ông Đào Văn T5, sinh năm 1961; Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 02/2021/QĐST-DS ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, nội dung việc dân sự được tóm tắt như sau:

Người yêu cầu - ông Nguyễn Lương Quân là chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn trình bày: Ông được phân công tổ chức thi hành án đối với nghĩa vụ thi hành số tiền 500.000.000 đồng của ông Đào Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị N và số tiền án phí 38.700.000 đồng, theo bản án phúc thẩm số 13/2019/HNGĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Chi cục THADS thị xã Kinh Môn đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T1 không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh, tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông T1 gồm:

+ *Về quyền sử dụng đất*: Ông T1 hiện đang sinh sống tại Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2 vào năm 2001, diện tích trên GCNQSD đất là 545m², theo kết quả đo Thực tế tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án là 518m²; Cụ Đào Xuân L (Đào Văn L), chồng cụ T2 chết năm 1991. Cụ L, cụ T2 có 05 người con là: Ông Đào Xuân T4, ông Đào Văn T5, ông Đào Văn T3, bà Đào Thị T6 và ông Đào Văn T1. Khi chết, cụ L không để lại di chúc nên ông T1 được hưởng di sản thừa kế của cụ L theo quy định của pháp luật.

+ *Về tài sản trên đất*: Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, ông T1 thừa nhận ngôi nhà và các tài sản trên đất được xây dựng vào năm 2018 là của ông T1 xây dựng. Nội dung này cũng được UBND phường Phạm Thái xác T2. Ngoài ra, vào năm 2017, ông T1 có gửi và rút khoản tiền 1.300.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Thất Hùng - Chi nhánh Phạm Mệnh mà Tòa án cấp phúc thẩm xác định là tiền do ông T1 bán tài sản chung mà có được, thời điểm rút tiền phù hợp với thời điểm ông T1 xây dựng ngôi nhà và các công trình phụ nêu trên. Do đó, có căn cứ để xác định quyền sở hữu của ông T1 đối với: 01 nhà mái bằng 01 tầng, diện tích khoảng 110,5m² và một số công trình gồm: Nhà bếp, nhà vệ sinh, lán lợp tôn, tường bao quanh nhà, cổng được xây dựng trên thửa đất hộ gia đình cụ T2.

Chi cục THADS thị xã Kinh Môn đã thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung cũng như yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông T1 trong khối tài sản chung nhưng các bên không tự thỏa thuận và không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, để bản án được thi hành và bảo đảm quyền và lợi ích cho các bên Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng của ông Đào Văn T1 đối với diện tích 518m² đất thuộc thửa đất số 80 + 81, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; xác định quyền sở

hữu của ông Đào Văn T1 đối với ngôi nhà mái bằng 01 tầng, diện tích khoảng 110,5m² và một số công trình gồm: Nhà bếp, nhà vệ sinh, lán lợp tôn, tường bao quanh nhà, cổng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Đào Xuân T4, ông Đào Văn T5, ông Đào Văn T3 và ông Đào Văn T1 đều xác định: Bố, mẹ đẻ các ông là cụ Đào Xuân L, sinh năm 1928 và cụ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1935. Hai cụ sinh được 05 người con là: ông Đào Xuân T4, ông Đào Văn T5, ông Đào Văn T3, bà Đào Thị Túy (chết năm 2003) và ông Đào Văn T1. Bà Đào Thị Túy kết hôn với ông Mạc Văn S1 và có hai con là anh Mạc Ánh S2, anh Mạc Văn S3. Cụ L chết vào năm 1990, không để lại di chúc. Từ khi cụ L chết đến nay, giữa các anh em ông và cụ T2 chưa khi nào họp bàn để phân chia thừa đất này. Tài sản của hai cụ là thửa đất có địa chỉ tại khu dân cư L, phường P, thị xã K. Thửa đất này được cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ T2 vào năm 2001. Trên đất, do ngôi nhà cũ đã xuống cấp nên vào năm 2018 các anh em có góp tiền xây dựng 01 ngôi nhà mái bằng cho cụ T2 với tổng chi phí khoảng 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Mạc Văn S1 trình bày: Trước đây, ông và bà Đào Thị Túy là vợ chồng, ông bà có hai con đã trưởng thành. Bà Túy chết năm 2003. Cụ L chết vào năm 1991, khi chết không để lại di chúc. Căn nhà hiện nay trên mảnh đất của cụ T2 là do anh em bên vợ đóng góp tiền xây dựng cho cụ T2 ở. Ngôi nhà hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Ông đã nhiều lần nhận được văn bản tố tụng của Tòa án để đến làm việc nhưng vì lý do S1c khỏe yếu nên ông không đến được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt.

Cụ Nguyễn Thị T2, anh Mạc Ánh S2 và anh Mạc Văn S3 vắng mặt trong quá trình giải quyết việc dân sự.

- Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-DS ngày 22/9/2021, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 210, 611, 612, 613, 623 và 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Lương Quân - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Về quyền sử dụng đất:

Xác định ông Đào Văn T1 sở hữu giá trị 82,5m² đất vườn, ao hợp pháp, tại thửa đất số 80, 81, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Khu dân cư L, phường P, thị xã K đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2.

Xác định tài sản chung của cụ Đào Xuân L và cụ Nguyễn Thị T2 gồm: Quyền sử dụng 300m² đất ở và 80m² đất vườn + ao hợp pháp tại thửa đất số 80, 81, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Khu dân cư L, phường P đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2.

Xác định di sản của cụ Đào Xuân L bằng $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ L, cụ T2.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: Cụ Nguyễn Thị T2, ông Đào Xuân T4, ông Đào Văn T5, ông Đào Văn T3, bà Đào Thị Túy và ông Đào Văn T1. Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng phần di sản bằng nhau và bằng $\frac{1}{6}$ di sản của cụ L, tương đương bằng $\frac{1}{12}$ giá trị quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ L, cụ T2. Do đó, ông Đào Văn T1 được sở hữu $\frac{1}{12}$ giá trị quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ L, cụ T2.

Về tài sản trên đất:

Xác định ông Đào Văn T1 có quyền sở hữu đối với ngôi nhà mái bằng, diện tích khoảng 110,5m², 01 tầng, xây gạch chỉ đặc, khung chịu Lc, mái lợp ngói chống nóng, nền lát gạch Ceramic, hệ thống cửa và khuôn bao bằng gỗ lim, có 05 phòng ngủ, xây dựng năm 2018 trên thửa đất số 80, 81, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Khu dân cư L, phường P, thị xã K.

+ Không chấp nhận yêu cầu về việc xác định quyền sở hữu của ông Đào Văn T1 đối với một số công trình xây dựng trên đất gồm: Nhà bếp, nhà vệ sinh, lán lợp tôn, tường bao quanh nhà, cổng

Tại phiên họp, người yêu cầu giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc T3 theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người yêu cầu, sửa quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo hướng xác định quyền sở hữu của ông Đào Văn T1 đối với một số công trình xây dựng trên đất gồm: Nhà bếp, nhà vệ sinh, lán lợp tôn, tường bao quanh nhà, cổng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi giải quyết việc dân sự sơ thẩm, người yêu cầu – ông Nguyễn Lương Quân có đơn kháng cáo. Ông Quân làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem lại việc dân sự theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên họp, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 374 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người yêu cầu:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất Thực tế của gia đình cụ Nguyễn Thị T2 là 518m² tại thửa đất số 80, 81 tờ bản đồ số 02, địa chỉ Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương:

Theo biên bản xác minh hiện trạng tài sản ngày 27/11/2019 của Chi cục THADS thị xã Kinh Môn, diện tích Thực tế của thửa đất là 518m², giảm 27m² so với GCNQSD đất. Hộ gia đình ông T1 xác định khi xây dựng bức tường giáp lối đi của xóm đã tự ý xây lùi lại vào trong phần đất của gia đình. UBND phường Phạm Thái xác định địa phương chưa có chủ trương mở rộng diện tích đường xóm, việc xây dựng nêu trên do hộ gia đình cụ T2 tự ý xây dựng, giữa hộ gia đình cụ T2 và địa phương cũng chưa có văn bản nào về việc tự nguyện hiến đất để mở rộng đường do đó phần diện tích đất hợp pháp của hộ gia đình cụ T2 là 545m² theo GCNQSD đất mà UBND huyện Kinh Môn đã cấp. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm, UBND phường Phạm Thái cho rằng số liệu tại biên bản xác minh hiện trạng ngày 27/11/2019 của Chi cục THADS thị xã Kinh Môn chỉ mang tính chất tương đối do đo đạc bằng tay. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo về việc xác định diện tích quyền sử dụng đất Thực tế của gia đình cụ T2 là 518m².

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định nhà bếp, nhà vệ sinh và các công trình khác xây dựng trên thửa đất là tài sản của ông Đào Văn T1:

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Đào Xuân T4, ông Đào Văn T5, ông Đào Văn T3 và ông Đào Văn T1 đều xác định ngôi nhà xây dựng trên đất của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2 vào năm 2018 là do các ông đóng góp tiền xây dựng cho cụ T2 ở. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nhưng các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đóng góp tiền xây dựng, việc thanh toán tiền vật liệu và việc thuê, thanh toán tiền công thợ.

UBND phường Phạm Thái xác định: Năm 2018, ông Đào Văn T1 xây dựng ngôi nhà mái bằng và công trình phụ trên thửa đất của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị T2. Do thời điểm đó địa phương chưa lên phường nên việc xây dựng nhà riêng lẻ không phải xin cấp phép và không được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Về nguồn tiền xây dựng ngôi nhà trên trước đây khi Cơ quan thi hành án về xác minh, địa phương xác định là của ông T1 là do: Tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án, ông Toàn đã thừa nhận nhà là do ông T1 xây. Bên cạnh đó cụ T2 đã già, các anh em của ông T1 đều sinh sống ở xa, rất ít khi về địa phương.

Theo lời khai của ông T1 tại Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 23/9/2019, ông thừa nhận tài sản sau ly hôn của ông chỉ có 01 ngôi nhà mái bằng xây năm 2018, diện tích khoảng 110m² xây dựng trên diện tích đất 545m² tại thửa đất số 80, 81 tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại khu dân cư Lĩnh Đông, xã Phạm Mệnh – nay là phường Phạm Thái.

Như vậy, ngoài biên bản xác minh hiện trạng tài sản ngày 27/11/2019, Chấp hành viên không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh các tài sản trên là do ông Đào Văn T1 xây dựng; ông Đào Văn T1 và những người liên

quan khác không thừa nhận các tài sản trên là của ông T1 nên không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên về việc xác định nhà bếp, nhà vệ sinh và các công trình khác xây dựng trên thửa đất là tài sản của ông T1.

[2.3] Từ những lập luận nêu trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người yêu cầu – Chấp hành viên chi cục THADS thị xã Kinh Môn và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp, cần giữ nguyên quyết định giải quyết việc sơ thẩm số 02/2021/QĐST-VDS ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

[3]. Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí Tòa án.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu – Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 02/2021/QĐST-VDS ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

2. Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: TA, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

Nguyễn Hải Bằng